

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

---

**ĐỀ TÀI**

**NGHIÊN CỨU CƠ SỞ KHOA HỌC, ĐỊNH HƯỚNG SỬ  
DỤNG HỢP LÝ ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ NGUỒN LỢI  
VÙNG BIỂN TÂY NAM BỘ**

**MÃ SỐ KC.09.10/16-20**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
CẤP QUỐC GIA**

**Hải Phòng, 11/2020**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hải Phòng, ngày 30 tháng 11 năm 2020*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

1. Tên nhiệm vụ, mã số: Nghiên cứu cơ sở khoa học, định hướng sử dụng hợp lý đa dạng sinh học và nguồn lợi vùng biển Tây Nam Bộ. Mã số: kc.09.10/16-20

Thuộc:

- Chương trình (*tên, mã số chương trình*): Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý biển hải đảo và phát triển kinh tế biển, KC.09/16-20

- Khác (*ghi cụ thể*):

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

**Mục tiêu chung:** Xác lập được cơ sở khoa học, định hướng sử dụng hợp lý đa dạng sinh học và nguồn lợi hải sản vùng biển Tây Nam Bộ.

**Mục tiêu cụ thể:**

Xác lập được cơ sở khoa học (lý luận và thực tiễn) về đa dạng sinh học, nguồn lợi và môi trường ở vùng biển Tây Nam Bộ;

Đề xuất được giải pháp bảo tồn và sử dụng hợp lý đa dạng sinh học và nguồn lợi vùng biển Tây Nam Bộ;

Xây dựng được mô hình sử dụng hợp lý đa dạng sinh học có sự tham gia của cộng đồng..

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Họ tên: Nguyễn Quang Hùng (từ 9/2017-4/2018)

Họ tên: Nguyễn Khắc Bát (từ tháng 5/2018-11/2020)

Chức vụ: Viện trưởng Viện Nghiên cứu Hải sản

Học hàm, học vị: Tiến sĩ Chức danh: Nghiên cứu viên chính

Tên tổ chức đang công tác: Viện Nghiên cứu Hải sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Địa chỉ tổ chức: 224 Lê Lai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng;

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

Tên tổ chức chủ trì đề tài: Viện Nghiên cứu Hải sản

Điện thoại: 0225-3-836135 Fax: 0225-3-836812

E-mail: vhs@rimf.org.vn

Website: <http://www.rimf.org.vn>

Địa chỉ: 224, Lê Lai, Hải Phòng

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Nguyễn Khắc Bát, Viện trưởng  
 Số tài khoản: 3713.0.1055093.00000 tại Kho bạc Nhà nước Ngô Quyền  
 5. Tổng kinh phí thực hiện: 6.150 triệu đồng (Sáu tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng).

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 6.150 triệu đồng (Sáu tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng)

Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng: 38 tháng

Bắt đầu: 9/2017

Kết thúc: 8/2020

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có): gia hạn đến tháng 11 năm 2020 theo Quyết định số 1779/QĐ-BKHCHN ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Cơ quan công tác
1	Nguyễn Quang Hùng	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Viện Nghiên cứu Hải sản (đến hết 12/2017) Tổng cục Thủy sản (từ 01/2018)
2	Nguyễn Khắc Bát	Tiến sĩ	Viện Nghiên cứu Hải sản
3	Vũ Việt Hà	Tiến sĩ	Viện Nghiên cứu Hải sản
4	Trần Văn Cường	Thạc sĩ	Viện Nghiên cứu Hải sản
5	Đỗ Anh Duy	Thạc sĩ	Viện Nghiên cứu Hải sản
6	Nguyễn Văn Hiếu	Thạc sĩ	Viện Nghiên cứu Hải sản
7	Nguyễn Văn Quân	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Viện Tài nguyên và Môi trường biển, Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam
8	Nguyễn Văn Hải	Thạc sĩ	Viện Nghiên cứu Hải sản
9	Nguyễn Xuân Huân	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

## II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
<b>I. Sản phẩm chính theo đặt hàng</b>										
1.	Báo cáo khoa học: Hiện trạng môi trường, đa dạng sinh học và nguồn lợi vùng biển Tây Nam Bộ		X			X			X	

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
2.	Báo cáo khoa học: Tình hình khai thác và hiện trạng sử dụng nguồn lợi, đa dạng học ở vùng biển Tây Nam Bộ		X			X			X	
3.	Danh mục các loài hải sản kinh tế, quý hiếm, đặc hữu, cần bảo vệ ở vùng biển Tây Nam Bộ		X			X			X	
4.	Bộ giải pháp bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên đa dạng sinh học phù hợp với đặc điểm và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương Tây Nam Bộ		X			X			X	
5.	Mô hình sử dụng hợp lý đa dạng sinh học và nguồn lợi cá cơm ở vùng biển Tây Nam Bộ có sự tham gia quản lý của cộng đồng		X			X			X	
6.	Sổ tay hướng dẫn sử dụng hợp lý đa dạng sinh học và nguồn lợi sinh vật vùng biển Tây Nam Bộ		X			X			X	
7.	Tập bản đồ/sơ đồ phân vùng đa dạng sinh học, phân bố nguồn lợi và đa dạng hệ		X			X			X	



Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
	sinh thái, bãi đẻ, bãi giống, khu vực nhạy cảm về môi trường, phân vùng bảo tồn									
8.	Bộ cơ sở dữ liệu hệ thống và đầy đủ về môi trường, đa dạng sinh học và nguồn lợi ở vùng biển Tây Nam Bộ		X			X			X	
<b>II Các sản phẩm trung gian</b>										
1.	Sản phẩm 3.1. Báo cáo khoa học: Nghiên cứu xác lập các luận cứ khoa học phục vụ công tác quản lý và sử dụng hợp lý đa dạng sinh học và nguồn lợi hải sản		X			X			X	
2.	Sản phẩm 3.2. Báo cáo khoa học: Cơ sở thực tiễn cho việc bảo vệ nguồn lợi và phát triển nghề cá theo hướng bền vững ở vùng biển Tây Nam Bộ		X			X			X	

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1	Tập bản đồ/sơ đồ phân vùng đa dạng sinh học, phân bố nguồn lợi	Sau khi nghiệm thu	Viện Nghiên cứu Hải sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông	Sử dụng để xây dựng kế hoạch quản lý nghề cá dựa trên tiếp cận hệ sinh thái, bảo tồn đa

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
	và đa dạng hệ sinh thái, bãi đẻ, bãi giống, khu vực nhạy cảm về môi trường, phân vùng bảo tồn		thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Cà Mau, Kiên Giang	dạng sinh học và bảo vệ nguồn lợi hải sản
2	Bộ giải pháp bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên đa dạng sinh học phù hợp với đặc điểm và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương Tây Nam Bộ	Sau khi nghiệm thu	Tổng cục Thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Cà Mau, Kiên Giang	Sử dụng để xây dựng kế hoạch quản lý nghề cá, sử dụng tài nguyên đa dạng sinh học và nguồn lợi hải sản phù hợp với đặc điểm nguồn lợi, tập quán khai thác hải sản của địa phương và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và quản lý nghề cá
3	Danh mục các loài hải sản kinh tế, quý hiếm, đặc hữu, cần bảo vệ ở vùng biển Tây Nam Bộ	Sau khi nghiệm thu	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Cập nhật vào Danh lục Sách đỏ Việt Nam	Có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho các trường đại học, các cơ sở nghề cứu và các cơ quan quản lý tài nguyên sinh vật biển, nguồn lợi hải sản và nghề cá biển.
4	Mô hình sử dụng hợp lý đa dạng sinh học và nguồn lợi cá cơm ở vùng biển Tây Nam Bộ có sự tham gia quản lý của cộng đồng	Sau khi nghiệm thu	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Kiên Giang	Sử dụng để làm thí điểm mô hình quản lý đơn loài (cá cơm) dựa vào cộng đồng khai thác nguồn lợi hải sản

### 1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1	Chưa có			
2				

### 2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

Với quản lý nghề cá biển ở Việt Nam, những đóng góp nổi bật của đề tài có thể liệt kê như sau:



Kết quả nghiên cứu của đề tài cung cấp những thông tin cập nhật về hiện trạng đa dạng sinh học, thành phần loài, phân bố, trữ lượng và khả năng khai thác các loài sinh vật, đặc biệt là nguồn lợi hải sản, làm cơ sở khoa học cho các nghiên cứu khoa học khác như bảo tồn, tái tạo nguồn lợi, khai thác thủy hải sản, quy hoạch thủy sản. Kết quả nghiên cứu cũng cung cấp danh mục các loài thủy sinh vật quý hiếm, có giá trị kinh tế, có giá trị khoa học, các loài đặc hữu ở vùng biển Tây Nam Bộ. Danh mục loài cùng với hiện trạng quần thể của các loài hải sản sẽ là tư liệu tốt cho việc đối chiếu, xác định mức độ nguy cấp của các loài sinh vật cần bảo vệ trước nguy cơ tuyệt chủng ở các cấp độ khác nhau, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học biển và sử dụng tài nguyên sinh vật hợp lý, bền vững.

Kết quả nghiên cứu phân vùng sinh thái tại vùng biển Tây Nam Bộ đã chia vùng biển này thành 2 phân vùng sinh thái khác nhau, từ đó sẽ có cách tiếp cận quản lý nghề cá theo hướng tiếp cận hệ sinh thái. Đây đang là hướng quản lý nghề cá được các nước tiên tiến trên thế giới áp dụng vì có nhiều ưu điểm và thân thiện với môi trường sinh thái.

Đề tài đã đưa ra được các giải pháp về bảo tồn và sử dụng hợp lý đa dạng sinh học phù hợp với đặc điểm và nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương Tây Nam Bộ.

Mô hình quản lý nghề khai thác cá com dựa vào cộng đồng đã được đề tài xây dựng và hoàn thiện hồ sơ để áp dụng cho cộng đồng ngư dân khai thác cá com ở khu vực Dương Đông – Phú Quốc – Kiên Giang.

### 3. Về hiệu quả của nhiệm vụ

Vùng biển Tây Nam Bộ là khu vực đa dạng sinh học cao, nguồn lợi hải sản phong phú, có tiềm năng lớn trong việc phát triển kinh tế biển. Hiện nay, hoạt động khai thác thủy hải sản ở đây diễn ra với cường độ cao, giải quyết việc làm cho hàng triệu lao động, đặc biệt là lao động gắn với hoạt động nghề cá. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ cung cấp những thông tin khoa học quan trọng cho công tác quản lý nghề cá và định hướng sản xuất, đảm bảo sinh kế lâu dài và bền vững cho cộng đồng dân cư ven biển. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng cung cấp thông tin khoa học cho công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi, bảo vệ đa dạng sinh học và môi trường trong khu vực vì sự phát triển bền vững. Hiện nay, xuất khẩu thủy sản vào các thị trường lớn như châu Âu, Mỹ, Nhật Bản phải tuân thủ những quy định rất nghiêm ngặt, đặc biệt là vấn đề truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Các sản phẩm thủy sản xuất khẩu chủ đạo ở vùng Tây Nam Bộ như: cá com, ghe xanh, mực, bạch tuộc sang các thị trường nói trên đang vướng phải một loạt các rào cản thương mại, trong đó vấn đề khai thác bền vững, truy xuất nguồn gốc là một trong những rào cản lớn nhất. Rào cản thương mại này sẽ được xóa bỏ nếu chúng minh được rằng các sản phẩm đó được khai thác bền vững và nghề cá được quản lý, khai thác hiệu quả. Chính vì vậy, kết quả nghiên cứu của đề tài khi áp dụng vào thực tiễn quản lý nghề cá biển Việt Nam sẽ mở ra tiếp cận mới trong quản lý nghề cá theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường từ đó duy trì sự cân bằng sinh thái đồng thời bảo vệ nguồn lợi, đa dạng sinh học.

### III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

Giải thích lý do:.....

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

**CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**



**Nguyễn Khắc Bát**

**4. THỦ TRƯỞNG  
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**



**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

*Nguyễn Văn Nguyễn*

AN NÔNG